

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: **3245**/UBND-NC
V/v trình hồ sơ xử lý
vi phạm hành chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*), Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; để công tác tham mưu, trình hồ sơ xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh được đồng bộ, chặt chẽ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố khi trình hồ sơ xử lý những vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh phải thực hiện nghiêm túc một số nội dung sau:

1. Nguyên tắc chung

Cơ quan, người có thẩm quyền khi thụ lý vụ việc vi phạm hành chính mà xác định hành vi vi phạm hành chính đó thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh phải kịp thời lập hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xử lý theo đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Hồ sơ bao gồm: Tờ trình, dự thảo quyết định, biên bản vi phạm hành chính, các tài liệu và giấy tờ có liên quan theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*), Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các nghị định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực chuyên ngành.

2. Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với một số trường hợp cụ thể

a) Đối với vụ việc xử lý vi phạm hành chính mà biên bản vi phạm hành chính được lập trên cơ sở biên bản hiện trường, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra, văn bản ghi nhận kết quả thu thập được bằng phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ và vụ việc có văn bản giải trình, biên bản về phiên giải trình trực tiếp,... thì tùy trường hợp cụ thể hồ sơ bao gồm:

- + Biên bản vi phạm hành chính;
- + Biên bản làm việc, biên bản kiểm tra, biên bản hiện trường;
- + Văn bản giải trình hoặc biên bản về phiên giải trình trực tiếp (*trường hợp khi lập biên bản vi phạm hành chính chưa xác định được người có thẩm*

quyền xử phạt, thì cá nhân, tổ chức vi phạm gửi văn bản giải trình đến người có thẩm quyền lập biên bản);

+ Văn bản ghi nhận kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm;

+ Tờ trình về việc xử lý vi phạm hành chính;

+ Dự thảo quyết định xử lý vi phạm hành chính.

(Trong trường hợp có nhiều văn bản, tài liệu khác có liên quan thì phải có báo cáo tổng hợp vụ việc kèm theo).

b) Đối với hồ sơ vụ việc xử lý vi phạm hành chính cần xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*), ngoài quy định tại điểm a nêu trên, hồ sơ còn phải kèm theo các căn cứ để xác định giá trị và các tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

c) Đối với hồ sơ vụ việc xử lý vi phạm hành chính mà có tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính quy định tại Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*), ngoài quy định tại điểm a, b nêu trên còn phải kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

d) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*)

Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính, thì trong hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm hành chính, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển đến bao gồm các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm, tờ trình và dự thảo quyết định xử lý vi phạm hành chính (*trong trường hợp này không lập biên bản vi phạm hành chính mà căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến*).

3. Thời hạn chuyển hồ sơ xử lý vi phạm hành chính

- Đối với vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản vi phạm hành chính mà thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh, thì biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu có liên quan phải được chuyển cho Chủ tịch UBND tỉnh trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa theo quy định tại khoản 5 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*).

- Trường hợp chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm để xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*) thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng hình sự phải chuyển hồ sơ.

Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh có thể yêu cầu cơ quan thuộc lĩnh vực chuyên môn xem xét tính pháp lý của hồ sơ hoặc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính trước khi Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Đối với quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì cơ quan nào được giao tổ chức thực hiện quyết định xử phạt thì cơ quan đó có trách nhiệm lập hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định cưỡng chế. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phân công cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế theo nguyên tắc vụ việc thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan nào thì giao cơ quan đó chủ trì; trường hợp vụ việc liên quan đến nhiều cơ quan thì căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để quyết định giao cho một cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

5. Biểu mẫu trong xử phạt vi phạm chính

Biểu mẫu sử dụng trong xử phạt vi phạm chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và hướng dẫn của Bộ, ngành có liên quan (*nếu có nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 118/2021/NĐ-CP thì thực hiện theo nghị định đó*).

6. Quyết định xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp và báo cáo Bộ Tư pháp, UBND tỉnh theo quy định.

7. Giao Sở Tư pháp thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh nhằm giúp UBND tỉnh quản lý tốt công tác này. Tổng hợp những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, tham mưu UBND tỉnh đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền các quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn, không phù hợp.

8. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, chỉ đạo Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn khi trình hồ sơ xử lý những vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh phải thực hiện đảm bảo theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và yêu cầu tại Công văn này nhằm tránh trường hợp để vi phạm về trình tự, thủ tục, thời gian, thẩm quyền ban hành Quyết định. Khi trình hồ sơ phải có ý kiến bằng văn bản của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

9. Công văn này thay thế Công văn số 551/UBND-NC ngày 07/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc trình hồ sơ xử lý vi phạm hành chính.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị

xã, thành phố nghiêm túc thực hiện nội dung Công văn này. Nếu có vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) để có hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (NC);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Tr267)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hoàng Tuấn
Trần Hoàng Tuấn